

Hồi tưởng lại khuya 1-12-1946, lúc 12 giờ đêm, tiếng súng nổ vang rền trong thành phố Huế đã thúc giục mọi người vùng dậy, cuốn gói đồ đạc chạy ra khỏi nhà, mò dầu cho một cuộc chiến tự vệ của con dân VN ở hai miền Trung Bắc, sau khi miền Nam đã đứng lên từ ngày 23-9-1945, chống thực dân Pháp.

Cuộc chiến đã được chuẩn bị từ trước, nên gia đình nào cũng cho đàn bà, con nít tản cư về quê, duy chỉ có công chức, thanh niên ở lại tiếp tục công vụ hoặc xây đắp công sự chiến đấu ở các đường phố chính. Gia đình tôi đã di chuyển về làng ngoại Hương Càn, chỉ trù ba tôi ở lại Gia Hội, cho nên khuya hôm đó, chúng tôi chỉ xách ít đồ cần thiết, theo dòng người hướng về Tả Duệ, qua đò Bao Vinh, đi bộ đến Bàu Đôn, tức là Triều Sơn Trung, vừa đi vừa ngoảnh lại nhìn thành phố thân yêu đang bị cháy rực mà lòng cảm thấy thương tiếc cố đô và lo sợ cho các chiến sĩ đang chiến đấu trực diện với quân thù.

Thời ấy, tôi mới có 15 tuổi, nhưng vì muốn kiếm việc làm cho đỡ gánh nặng gia đình, nên sau những ngày đầu di tản, tôi đã xin vào làm việc ở Ty Thông Tin. Ngày ngày cùng cán bộ đi thăm gia đình các chiến sĩ chết dem về nằm ở bệnh xá Cổ Lão; tối tôi cầm cây đèn dầu leo lên cây đa nơi ngã ba đình làng đọc báo Quyết Thắng cho công chúng nghe, vì cả làng chỉ có một tờ báo.

Xuân Đinh Hợi (1947) tại Hương Càn

Trần sĩ Huân

Hương Càn là trạm đầu tiên của các cơ quan hành chánh Huế di tản, kể cả Ty Ngân Khố, nơi ba tôi làm việc. Tại đây, có ông Hồ Văn Tân là anh ruột cô Hồ Thị Thanh, giáo sư Việt văn trường Đồng Khánh. Ông Tân xin cho cô Thanh vô làm thư ký. Mỗi chiều thứ năm, cô được phép dạy con các nhân viên trong sở về văn chương truyện Kiều, Chinh Phu Ngâm, Cung Oán Ngâm Khúc, vv... (Không ngờ qua năm 1948, sau khi hồi cư về Huế, lần đầu tiên thi bằng Thành Chung, tôi đã dụng đầu bài thi luận văn do cô Thanh ra đề là: "Trong ba nhân vật: nàng Kiều trong Kim Vân Kiều, người chinh phụ trong Chinh Phụ Ngâm, người cung nữ trong Cung Oán Ngâm Khúc, anh hay chị mến người nào?" Đối với tuổi 17, ăn chua no lo chưa tối, thì đề tài này thật là khúc mắc, khó giải. Tôi còn nhớ đã cắn bút mất mấy phút mới nghĩ ra ý nghĩa của chữ "mến", và phân biệt nào là mến yêu, mến thương, mến phục, rồi từ đó áp dụng vào các nhân vật trong ba tuyệt tác phẩm nói trên, để đi đến kết luận mến phục người chinh phụ cho hợp với "thời trang chiến tranh" đang còn tiếp diễn xung quanh thành phố Huế diệu tàn).

Trở lại với làng Hương Càn,

một làng nhỏ ở phía đông bắc Huế, cách quốc lộ chừng ba cây số. Muốn đến Hương Càn, người ta có thể đi từ quốc lộ I vào hoặc từ Bao Vinh lên theo hai tỉnh lộ cán đá gặp nhau ở ngã ba chợ Hương Càn.

Làng này xưa nay nổi tiếng có quí ngon ngọt và đã đi vào lịch sử dân gian qua các câu ca dao bình dân, như:

"Khùng khăng nhớ rượu Phú Cam,"

"Với nem An Cựu cùng làm bạn thân."

"Tháng mười nhớ quí Hương Càn,"

"Tháng tư nhớ cá Túy Vân ngon lành."

"Đầu chi cũng nhớ quê mình!"

Hoặc là:

"Hồ Tình Tâm giàu sen bích diệp,"

"Đất Hương Càn ngọt quí thơm cam."

Và:

"Sông Hương Càn vừa trong vừa mát,"

"Đường Hương Càn nhỏ cát dẽ dì."

"Trai Hương Càn như bông hoa lý,"

"Gái Hương Càn đẹp ý dẽ yêu."

(Tài liệu về làng này rất phong phú, còn ghi lại trong cuốn Phố Phái Trần Nhu do

ông Trần Như Hạo, 71 tuổi, hiện ở Los Altos, California lưu giữ).

Trước đó, làng này rất yên tĩnh, nhưng từ khi có dân tản cư đến thì trở nên náo nhiệt, nhất là vào dịp Tết Đinh Hợi 1947, dân chúng họp chợ, chiếm luôn cả mặt đường tĩnh lộ.

Để đề phòng quân Pháp đổ bộ bất thình lình, ủy ban hành kháng tinh Thùa Thiên đã ra lệnh "tất dân vũ trang, truồng kỳ kháng chiến", nghĩa là ai đi ra đường, dân ông cũng như đàn bà, đều phải mang khí giới, như mác lào, gậy tầm vông, dao, rựa, vv... để sẵn sàng đánh giặc Pháp! Lệnh này có tính cách tuyên truyền, hẫu kích thích tinh thần của dân chúng, chứ đánh đá gì với ba cái thú vũ khí đó.

Mặc dù vậy, dân chúng vẫn ăn tết dã chiến, với các lễ cúng giao thừa, treo nêu ngoài đình, còn trong nhà cũng nấu bánh chưng, bánh tét. Sự đi lại có phần khó khăn, vì mưa phún gió bắc, đường sá chật hẹp lầy lội; thế mà trong mấy ngày đầu xuân năm ấy, người ta cũng vẫn đi thăm viếng, chúc tụng nhau...

Sau ba ngày tết, sinh hoạt trở lại bình thường. Tại một góc chợ gần bến đò, một ông già đang đứng nhìn trời cao, mây nước. Tôi đến gần hỏi hay đó là thầy Bửu Cân, dạy tôi môn Vạn vật năm kia ở lớp Sáu (sixième orientale) Khải Định. Trong lúc tôi đang hào huyền Thầy thì có một cán bộ tay cầm mác lèo đến hỏi thầy:

- Đồng chí vũ trang đâu?

Sao không tuân lệnh chánh phủ?

Thầy trả lời:

- Có đây.

Rồi thầy móc bọc áo, lấy ra một cây dao tre ăn bánh bèo, dài độ một tấc tây. Cán bộ quát tháo:

- Bộ đồng chí dồn mặt chính quyền hả?

Nhung thầy vẫn điềm nhiên trả lời, coi như pha:

- Rứa chó cái chi đây, thử vé bụng đưa tao đậm thử coi.

Vừa nói thầy vừa xông tới như muốn đậm thật. Tên cán bộ bị tấn công thình lình, giơ tay khoát khoát, rồi bỏ đi, miệng lẩm bẩm: - Đồ ông già giàn, để coi tau...

Nhắc đến thầy Bửu Cân thì học sinh Quốc Học/Khai Định không ai là không biết tiếng một ông thầy đạo mạo, thường hay mặc quốc phục, tay xách cặp đựng ít bài vở với vài chai dầu Nhị Thiên Đường, vì thầy có tật hay ách xì vài chục cái một lần, nên phải xúc dầu luon. Thầy lại hay nói tiểu lâm, như có lần thầy dạy xong, ra hành lang, thấy thầy Đoàn Nồng đang bom giùm bánh xe đạp cho bà Duhamel, thầy liền buột miệng kêu: "O la la, mị xụ Đoàn Nồng pompe madame Duhamel" làm ai nấy hiện diện đều đỏ mặt. Thầy mất tại Nha Trang vào khoảng năm 1970 (?)

Cũng vào dịp Tết Đinh Hợi này, tôi còn nhớ một câu chuyện xảy ra tại cổng Hương Cân, xây bằng gạch, hình vòng cung, dài độ 10 thước, bắc qua

cái hói, lấy nước từ sông cái đem vào ruộng. Cổng này ở gần đình làng, gần cây đa đại thụ nhành lá xum xuê.

Hôm ấy, trong lúc tôi đang đứng chơi trên cổng, thì một ông tù trong xóm đi ra là ông Tham, trưởng ty công chánh, và một ông tù trong đình (trụ sở tạm của ủy ban hành kháng tinh) đi tới, đó là ông Ký su, bộ trưởng công chánh, đại diện chính phủ thời đó, từ Hà Nội về thanh tra mặt trận Thùa Thiên. Hai ông tay bắt mặt mừng. Trong phạm vi gia đình, ông Tham là cậu vợ ông Ký su, nhưng về chức vụ thì ông Ký su là xếp lớn của ông Tham. Sau mấy lời thăm hỏi, tôi nghe ông Tham nói:

- Tại sao anh theo bọn đó làm chi?

Rồi tiếp theo là một tràng tiếng Pháp, vẻ mặt bất bình. Ông Ký su trả lời:

- Thị cậu nghĩ coi, tui đâu muốn làm, nhưng họ đưa mình ra thì mình cũng phải theo chứ biết làm răng chừ? Cậu có thấy lòng dân không, nếu lội ngược dòng thì rất nguy hiểm. Nói chí thì nói, mình phải đánh Tây trước đã, rồi hạ hối phân giải. Tình hình như vậy đó. Gặp thời thế, thế thời phải thế!"

Ông Ký su ăn tết xong thì từ giã Hương Cân, đưa vợ con về Xuân Tùy theo kế hoạch rút lui của ủy ban hành kháng. Sau đó cả gia đình ra Bắc, sống cuộc đời kham khổ trong rừng sâu nước độc mấy chục năm trường kháng chiến chống Pháp, đến nỗi vợ chết không có hòm chôn,

chỉ được cái tiếng "trí thức giắc ngộ" mà thôi. Thật là tội nghiệp. Còn ông Tham giàu sang phú quý nhút quyết ở lại nơi chôn nhau cắt rốn, để rồi khi Pháp tiến đến gần Hương Cầm, ông đã bị nhân dân tự vệ vào nhà bắt đi thủ tiêu. Cũng thật là tội nghiệp.

Hai thái độ, hai con đường, cả hai đều thất bại. Bốn mươi bảy năm sau, nghỉ lại câu chuyện trên, giữa hai người bà con trí thức, lại là đồng nghiệp, mà thương cho thân phận của cả hai ông.

Dau đớn thay, lịch sử đâu có dừng tại đó. Lịch sử vẫn tiếp diễn và đôi khi còn tái diễn. Ngày nay tuy hoàn cảnh có khác, nhưng người trí thức VN vẫn đang đứng ở ngã ba đường, cũng phải chọn lựa như bốn mươi bảy năm về trước, người theo, kẻ chống, kẻ thò o... Phải chăng lời đúc Khổng vẫn còn là khuôn vàng thước ngọc: "Khôn cùng chết, dại cũng chết, biết thì sống." Nhưng thế nào gọi là biết?

Trên đây là những gì còn sót lại trong trí tưởng của tôi về mùa xuân Dinh Hợi 1947 xa xăm, tại làng Hương Cầm, một trong những mùa xuân đen tối của dân tộc.

Ước mong ngày gần đây, một mùa xuân tươi sáng dưới ánh nắng dân chủ tự do sẽ sớm chói rạng trên quê hương, để đàn chim Việt khắp năm châu có thể bay trở về, cùng toàn dân xây dựng lại cơ đồ nước Nam.

Từ Bằng hữu đến Thông Gia

Thân lăng Quý Ái Hữu Công Chánh nhân hôn lễ
con gái út Nguyễn Tố Loan & Bé Phạm Trinh Cường

*Bố tiền chân con về
Nhà chồng cách sơn khê
Tại Reims nơi Pháp Quốc
Thơ mộng như pha lê
Tơ trời se chỉ thắm
Loan-Cường kết lương duyên
Nối dòng họ Phạm-Nguyễn
Con cháu rạng Tông Nguyễn
Xưa kia tôi và anh
Hai ta là học sinh
Nội trú trường học Buổi
Thời gian lướt quá nhanh
Hon nửa vòng thế kỷ
Phiêu bạt mấy tháng trầm
Anh Âu và tôi Mỹ
Duyên trẻ kết tình thâm
Thế sự vô thường mấy nổi trôi
Bèo mây tan hợp cánh chim trời
Giai nhân xuân sắc tìm đâu khác?
Hảo tử tài danh hiếm quý rồi!
Kỳ ngộ se tơ nền tái hợp
Kỳ duyên kết sợi mảnh tình đôi
Kim bằng khởi sắc thông gia đó
Hạnh phúc Cường-Loan mãi suốt đời.*

Lão Hạc
Nguyễn mạnh Tiệp (khóa 41-44)